

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2024

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Thanh Phong

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh  
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2023/TLST-HN ngày 12/10/2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2023/QĐXX – ST ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 204/2023/QĐST-DS ngày 29/12/2023 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Phạm Thị N – sinh năm: 1996;

Địa chỉ: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: tổ 10, KP, P, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**\* Bị đơn:** Trần Văn S - sinh năm: 1992;

Địa chỉ: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị N có đơn xin vắng mặt;

Anh S vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị N trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh S cưới nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi không còn tình cảm với anh S nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Phạm An K – sinh ngày 02/4/2019. Hiện cháu K đang sống chung với anh S, khi ly hôn tôi để cháu K cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, tôi xin cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn Trần Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm An K – sinh ngày 02/4/2019 cho anh Trần Văn S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh S cư trú tại: ấp NH, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Anh S đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S. Còn chị N có đơn xin vắng mặt nên Toà án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: chị N trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Riêng anh S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến cho Toà, từ đó cho thấy, anh S cũng không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Phạm An K – sinh ngày 02/4/2019. Chị N trình bày cháu K đang sống chung với anh S nên chị đồng ý để anh S tiếp tục nuôi cháu K. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu K đang sống chung với anh S. Còn anh S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về con chung, do đó, để đảm bảo cho cháu K phát triển ổn định về mặt vật chất lẫn tinh thần nên cần giao cháu K cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K 1.500.000 đồng/01 tháng. Xét thấy mức cấp dưỡng của chị N là tự nguyện và cũng phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn và là người cấp dưỡng nuôi con, do đó, chị N sẽ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

**1. Về tình cảm:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trần Văn S.

**2. Về con chung:** Giao cháu Trần Phạm An K – sinh ngày 02/4/2019 cho anh Trần Văn S tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

**3. Về án phí:** Chị Phạm Thị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026305 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị N còn nộp tiếp 300.000 đồng.

**4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã HĐ, huyện CG, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**